

**Danh sách**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA**  
**(DẠNG THỨC TOEIC 450+)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-TTNNTH, ngày tháng năm 2026 của Giám đốc  
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học)

**Khóa thi ngày: 22/05/2026**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	225001	Phạm Văn An	23/08/2004	Tây Ninh	590	Cấp CN
02	225002	Huỳnh Thị Mỹ An	31/07/2003	Đồng Tháp	475	Cấp CN
03	225003	Phạm Thụy Hồng Anh	14/08/2006	Lâm Đồng	500	Cấp CN
04	225004	Lê Thị Vân Anh	24/07/2006	Tây Ninh	650	Cấp CN
05	225005	Nguyễn Hồng Anh	30/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	755	Cấp CN
06	225006	Huỳnh Thị Tuyết Anh	30/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
07	225007	Đinh Thị Tú Anh	24/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	695	Cấp CN
08	225008	Lê Thị Tâm Anh	28/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	495	Cấp CN
09	225009	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	06/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	365	
10	225010	Lê Thị Ngọc Ánh	02/03/2004	Tp. Hà Nội	500	Cấp CN
11	225011	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/05/2006	Hung Yên	670	Cấp CN
12	225012	Bùi Đại Bằng	25/08/2002	Đồng Nai	305	
13	225013	Hồng Gia Bảo	08/06/2004	Đồng Tháp	420	
14	225014	Cù Thị Khánh Châu	03/12/2003	Đồng Tháp	635	Cấp CN
15	225015	Hà Thị Mỹ Châu	04/07/2006	Quảng Ngãi	665	Cấp CN
16	225016	Võ Phạm Bảo Châu	19/05/2006	Tp. Hồ Chí Minh	640	Cấp CN
17	225017	Ngô Ngọc Bảo Châu	26/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	485	Cấp CN
18	225018	Lê Đình Chiến	29/04/2002	Thanh Hoá	480	Cấp CN
19	225019	Nguyễn Thành Danh	24/04/2006	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
20	225020	Vũ Lâm Danh	11/10/2003	Lâm Đồng	285	
21	225021	Trần Tiến Đạt	04/04/2007	Tây Ninh	625	Cấp CN
22	225022	Huỳnh Tấn Đạt	20/10/2005	Gia Lai	455	Cấp CN
23	225023	Trần Ngọc Diễm	20/01/2004	Tp. Hà Nội	400	
24	225024	Bùi Khánh Đoan	21/08/2006	An Giang	560	Cấp CN
25	225025	Nguyễn Trịnh Ngọc Dung	03/03/2005	Tây Ninh	630	Cấp CN
26	225026	Nguyễn Ngọc Dũng	16/03/2003	Đồng Nai	785	Cấp CN
27	225027	Nguyễn Đăng Duy	13/02/2003	Tây Ninh	400	
28	225028	Phan Mỹ Duyên	27/12/2005	Đồng Tháp	495	Cấp CN
29	225029	Trần Thái Mỹ Duyên	16/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	595	Cấp CN
30	225030	Trần Khánh Hà	05/07/2006	Tp. Hồ Chí Minh	580	Cấp CN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
31	225031	Phạm Thị Thanh Hà	21/01/2006	Lâm Đồng	245	
32	225032	Nguyễn Thuỳ Ngọc Hân	01/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	565	Cấp CN
33	225033	Bùi Thị Gia Hân	29/11/2006	Tây Ninh	560	Cấp CN
34	225034	Trần Bảo Hân	17/06/2003	Đồng Tháp	490	Cấp CN
35	225035	Nguyễn Thị Minh Hằng	25/09/2005	Đắk Lắk	280	
36	225036	Phạm Thị Hồng Hạnh	17/05/2006	Tp. Đà Nẵng	825	Cấp CN
37	225037	Trần Trung Hậu	17/12/2005	Tây Ninh	300	
38	225038	Lê Minh Hậu	07/11/2005	Tây Ninh	645	Cấp CN
39	225039	Lê Nguyễn Bá Hoàng	31/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	255	
40	225040	Đỗ Bảo Học	26/03/2004	An Giang	285	
41	225041	Vương Đình Hùng	03/02/2005	Tây Ninh	370	
42	225042	Huỳnh Phước Hùng	07/09/2003	Tây Ninh	395	
43	225043	Nguyễn Phúc Hưng	14/10/2005	Lâm Đồng	310	
44	225044	Nguyễn Thị Thu Hương	19/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	515	Cấp CN
45	225045	Huỳnh Tuấn Huy	21/07/2006	Tp. Hồ Chí Minh	840	Cấp CN
46	225046	Trương Hoàng Huy	04/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	560	Cấp CN
47	225047	Trần Gia Huy	25/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	275	
48	225048	Nguyễn Thanh Huy	29/09/2004	Cà Mau	235	
49	225049	Trương Thị Minh Huyền	18/03/2004	Đồng Nai	770	Cấp CN
50	225050	Nguyễn Lương Mạnh Huỳnh	20/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	415	
51	225051	Ngô Thị Như Huỳnh	23/08/2006	Tây Ninh	805	Cấp CN
52	225052	Lê Xuân Hy	08/07/2007	Lâm Đồng	260	
53	225053	Ngô Quốc Khải	10/09/2003	Cà Mau	370	
54	225054	Nguyễn Gia Khang	17/04/2004	Tây Ninh	415	
55	225055	Trương Công Hoàng Khang	30/07/2004	Đồng Tháp	710	Cấp CN
56	225056	Phạm Quốc Khang	15/05/2005	Tây Ninh	450	Cấp CN
57	225057	Ngô Hữu Khánh	07/09/2001	Tp. Hồ Chí Minh	455	Cấp CN
58	225058	Lê Nguyễn Đăng Khoa	12/05/2004	Lâm Đồng	565	Cấp CN
59	225059	Lê Đăng Khôi	07/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	525	Cấp CN
60	225060	Phạm Thanh Khôi	10/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	520	Cấp CN
61	225061	Nguyễn Trung Kiên	12/07/2002	Tp. Hồ Chí Minh	420	
62	225062	Trần Quốc Kiệt	17/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	485	Cấp CN
63	225063	Nguyễn Gia Kiệt	30/08/2006	Tây Ninh	815	Cấp CN
64	225064	Ngô Gia Kỳ	09/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	735	Cấp CN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
65	225065	Lê Thị Ngọc Lan	04/05/2005	Quảng Trị	765	Cấp CN
66	225066	Lê Thị Hoàng Lan	05/04/2004	Khánh Hoà	485	Cấp CN
67	225067	Võ Ngọc Đan Lê	12/10/2006	Tây Ninh	750	Cấp CN
68	225068	Nguyễn Thị Yên Linh	03/12/2005	Tây Ninh	245	
69	225069	Nguyễn Thị Ngọc Linh	04/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	600	Cấp CN
70	225070	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/01/2004	Tp. Huế	550	Cấp CN
71	225071	Đỗ Thị Hoài Linh	04/09/2004	Đồng Nai	320	
72	225072	Nguyễn Thị Bích Loan	09/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	325	
73	225073	Nguyễn Đắc Lộc	21/06/2006	Tây Ninh	615	Cấp CN
74	225074	Trịnh Thành Lợi	29/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	760	Cấp CN
75	225075	La Thành Luân	30/06/2006	Tp. Hồ Chí Minh	465	Cấp CN
76	225076	Phạm Thị Xuân Mai	10/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh		Vắng thi
77	225077	Phạm Thị Ngọc Mai	29/01/2005	Tây Ninh	375	
78	225078	Phạm Trà Mi	15/04/2005	Tây Ninh	415	
79	225079	Chu Châu Thuý My	25/06/2005	Vĩnh Long	440	
80	225080	Giảng Ngọc Ái My	14/10/2005	An Giang	355	
81	225081	Nguyễn Thị Ti Na	16/04/2005	Tây Ninh	650	Cấp CN
82	225082	Khuong Hoàng Hải Nam	29/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	335	
83	225083	Đình Trọng Nam	11/09/2005	Nghệ An	580	Cấp CN
84	225084	Trần Hạo Nam	25/04/2005	Tây Ninh	440	
85	225085	Nguyễn Nhật Nam	09/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	450	Cấp CN
86	225086	Hoàng Ngọc Mỹ Ngân	11/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	415	
87	225087	Huỳnh Bảo Ngân	29/05/2005	Tây Ninh	245	
88	225088	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	09/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	485	Cấp CN
89	225089	Trần Thị Hồng Ngọc	02/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	425	
90	225090	Tạ Lưu Bảo Ngọc	09/10/2005	Tây Ninh	650	Cấp CN
91	225091	Trương Lê Như Ngọc	15/06/2006	Tp. Hồ Chí Minh	375	
92	225092	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	24/08/2005	Lâm Đồng	375	
93	225093	Phạm Phan Thảo Nguyên	18/09/2006	Khánh Hoà	640	Cấp CN
94	225094	Nguyễn Phúc Hạnh Nguyên	29/11/2006	Đồng Tháp	710	Cấp CN
95	225095	Ngô Thị Hồng Nguyên	14/08/2006	Đồng Tháp	675	Cấp CN
96	225096	Võ Trọng Nguyễn	24/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	615	Cấp CN
97	225097	Huỳnh Thanh Nhân	21/07/2004	Đồng Tháp	325	
98	225098	Võ Thiện Nhân	06/06/2006	Đồng Tháp	455	Cấp CN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
99	225099	Nguyễn Phan Trường Nhân	20/06/2006	Tây Ninh	565	Cấp CN
100	225100	Huỳnh Thu Hồng Nhân	02/12/2004	Quảng Ngãi	835	Cấp CN
101	225101	Nguyễn Thị Tâm Nhi	09/01/2005	Tây Ninh	220	
102	225102	Phan Huỳnh Trúc Nhi	28/09/2005	Lâm Đồng	335	
103	225103	Nguyễn Thị Bích Nhi	26/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	375	
104	225104	Lương Thị Yên Nhi	23/05/2003	Đồng Tháp	350	
105	225105	Ngô Yến Nhi	11/06/2005	Đồng Nai	540	Cấp CN
106	225106	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	16/01/2006	Tp. Hồ Chí Minh	775	Cấp CN
107	225107	Trần Ngọc Yến Nhi	29/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	810	Cấp CN
108	225108	Hồ Thị Yến Nhi	11/03/2006	Tp. Hồ Chí Minh	605	Cấp CN
109	225109	Nguyễn Thị Yến Nhi	06/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	380	
110	225110	Ngô Hoàng Trúc Nhi	20/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	295	
111	225111	Trần Thị Tuyết Nhi	26/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	370	
112	225112	Huỳnh Lan Nhi	20/11/2003	Tây Ninh	730	Cấp CN
113	225113	Đỗ Thị Huỳnh Nhi	26/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	335	
114	225114	Lê Thị Quỳnh Như	25/10/2006	Quảng Ngãi	460	Cấp CN
115	225115	Đinh Thị Quỳnh Như	03/04/2005	Quảng Ngãi	310	
116	225116	Nguyễn Nguyên Ninh	11/05/2006	Tp. Hồ Chí Minh	725	Cấp CN
117	225117	Bùi Thị Ngọc Nữ	15/11/2004	An Giang	575	Cấp CN
118	225118	Võ Thành Phát	25/03/2002	Vĩnh Long	785	Cấp CN
119	225119	Nguyễn Huỳnh Đại Phát	16/01/2005	Tây Ninh	265	
120	225120	Võ Lê Tấn Phát	15/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	790	Cấp CN
121	225121	Đặng Tấn Phát	01/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	575	Cấp CN
122	225122	Trần Hoàng Phúc	03/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	725	Cấp CN
123	225123	Hoàng Đình Phúc	30/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	605	Cấp CN
124	225124	Đặng Anh Phúc	04/10/2003	Tây Ninh	715	Cấp CN
125	225125	Đặng Nhật Phúc	04/10/2003	Tây Ninh	785	Cấp CN
126	225126	Lưu Kiến Phương	26/06/2006	Tp. Hồ Chí Minh	815	Cấp CN
127	225127	Lê Minh Phương	29/11/2004	Tây Ninh	365	
128	225128	Phạm Thị Hồng Quế	09/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	735	Cấp CN
129	225129	Huỳnh Ngọc Kim Quyên	06/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	665	Cấp CN
130	225130	Trần Mỹ Quyên	10/04/2004	Tây Ninh	735	Cấp CN
131	225131	Lê Thanh Thuý Quyên	22/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	820	Cấp CN
132	225132	Phạm Trần Phương Quyên	25/08/2004	Tây Ninh	515	Cấp CN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
133	225133	Trần Thị Mỹ Sương	11/11/2005	Lâm Đồng	405	
134	225134	Nguyễn Thành Tài	27/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	485	Cấp CN
135	225135	Trần Thị Thanh Tâm	16/06/2000	Lâm Đồng	305	
136	225136	Thái Văn Thắng	07/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	605	Cấp CN
137	225137	Lê Việt Thành	08/11/2006	Tp. Hồ Chí Minh	580	Cấp CN
138	225138	Lê Thị Thu Thảo	17/09/2005	Đồng Nai	605	Cấp CN
139	225139	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/08/2003	Nghệ An	520	Cấp CN
140	225140	Lê Đan Thi	04/08/2006	Tây Ninh	665	Cấp CN
141	225141	Lê Thị Mai Thy	19/07/2003	Tây Ninh	800	Cấp CN
142	225142	Nguyễn Hoàng Thịnh	23/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	625	Cấp CN
143	225143	Phạm Minh Thoại	28/11/2004	Đồng Tháp	660	Cấp CN
144	225144	Cao Tống Thiên Thư	23/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	435	
145	225145	Lâm Nguyễn Anh Thư	28/01/2005	Lâm Đồng	465	Cấp CN
146	225146	Nguyễn Đăng Minh Thư	14/10/2006	Tây Ninh	825	Cấp CN
147	225147	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	455	Cấp CN
148	225148	Nguyễn Huy Thuận	03/10/2003	An Giang	250	
149	225149	Phạm Thị Thuận	21/01/2005	Quảng Ngãi	740	Cấp CN
150	225150	Phan Thị Hoài Thương	12/04/2005	Lâm Đồng	555	Cấp CN
151	225151	Nguyễn Phạm Hoài Thương	24/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	505	Cấp CN
152	225152	Trần Mộng Thường	26/08/2004	Cà Mau	540	Cấp CN
153	225153	Nguyễn Huỳnh Thụy	01/03/2003	An Giang	695	Cấp CN
154	225154	Đỗ Minh Thủy	23/05/2006	Tp. Hồ Chí Minh	280	
155	225155	Nguyễn Lê Phương Thy	10/12/2006	Tây Ninh	365	
156	225156	Tạ Nhật Kiều Thy	05/03/2006	Đồng Nai	885	Cấp CN
157	225157	Lưu Nguyễn Thủy Tiên	24/05/2006	Tp. Hồ Chí Minh	745	Cấp CN
158	225158	Lê Thị Thủy Tiên	12/03/2002	Tây Ninh	375	
159	225159	Nguyễn Trung Tín	01/01/2005	Lâm Đồng	470	Cấp CN
160	225160	Trần Văn Tính	10/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	405	
161	225161	Nguyễn Chí Tình	04/12/2004	Cà Mau	605	Cấp CN
162	225162	Trương Ngọc Huỳnh Trâm	08/09/2006	Tây Ninh	555	Cấp CN
163	225163	Trịnh Nguyên Trâm	04/06/2006	Lâm Đồng	540	Cấp CN
164	225164	Nguyễn Thị Ngọc Trang	27/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	625	Cấp CN
165	225165	Lâm Huỳnh Minh Triết	21/01/2006	An Giang	615	Cấp CN
166	225166	Phan Thị Kiều Trinh	06/05/2000	Quảng Ngãi	640	Cấp CN

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
167	225167	Nguyễn Thị Thanh Trúc	04/01/2005	Khánh Hoà	645	Cấp CN
168	225168	Nguyễn Thanh Trung	05/01/2006	Quảng Ngãi	800	Cấp CN
169	225169	Nguyễn Thanh Trường	31/10/2003	Lâm Đồng	790	Cấp CN
170	225170	Nguyễn Thị Tuyền Tuyền	01/08/2004	Tây Ninh	635	Cấp CN
171	225171	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	575	Cấp CN
172	225172	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	04/04/2007	Tp. Hồ Chí Minh	755	Cấp CN
173	225173	Nguyễn Lê Thanh Uyên	19/11/2006	Tp. Hồ Chí Minh	495	Cấp CN
174	225174	Phạm Thị Thu Uyên	07/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	660	Cấp CN
175	225175	Phạm Hồng Vân	26/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	550	Cấp CN
176	225176	Nguyễn Ngọc Tường Vân	04/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	560	Cấp CN
177	225177	Trần Quốc Việt	06/06/2003	Quảng Ngãi	495	Cấp CN
178	225178	Nguyễn Thái Vinh	19/04/2006	Tp. Hồ Chí Minh	655	Cấp CN
179	225179	Lê Nguyễn Phương Vinh	06/07/2004	Gia Lai	450	Cấp CN
180	225180	Nguyễn Gia Thái Vy	02/05/2003	Tp. Hồ Chí Minh	775	Cấp CN
181	225181	Nguyễn Khánh Vy	14/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	435	
182	225182	Trần Thị Tường Vy	11/08/2006	Khánh Hoà	770	Cấp CN

**Tổng cộng: 182 thí sinh**











